

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM FWD ĐÓN ĐẦU THAY ĐỔI 2.0

FWD Đón đầu thay đổi 2.0 – giải pháp bảo hiểm giúp bạn vững vàng làm chủ mọi cơ hội phía trước.

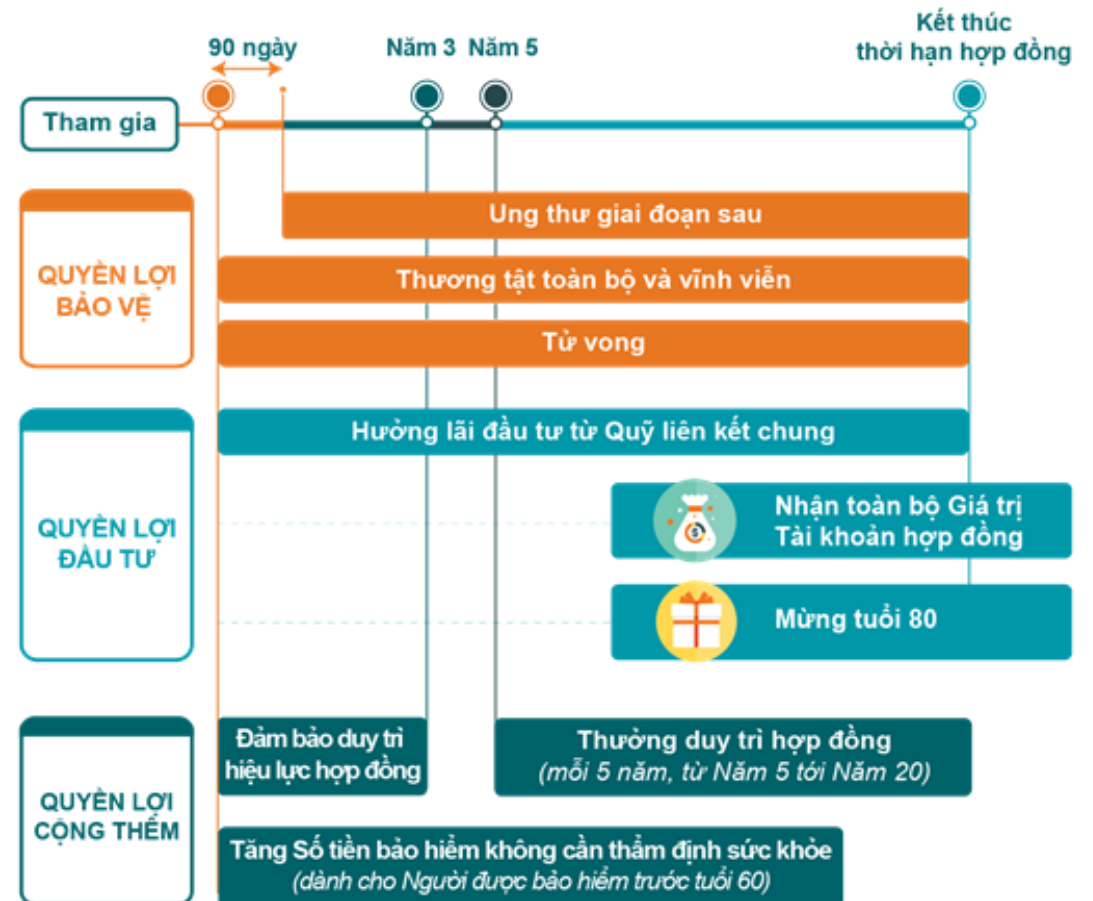
FWD Đón đầu thay đổi 2.0 được thiết kế để đảm bảo sự ổn định tài chính cho gia đình bạn trong mọi tình huống ngay cả những trường hợp ngoài ý muốn như bệnh ung thư; đồng thời là giải pháp đầu tư an toàn có đảm bảo lãi suất.

Ngoài ra, FWD Đón đầu thay đổi 2.0 giúp bạn linh hoạt và chủ động trước mọi nhu cầu tài chính với tính năng rút tiền trực tuyến 24/7. Chỉ với vài thao tác đơn giản trên điện thoại, bạn có thể rút tiền từ hợp đồng bảo hiểm mọi lúc, mọi nơi.

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA FWD ĐÓN ĐẦU THAY ĐỔI 2.0

- Thêm quyền lợi ý nghĩa khi mắc bệnh ung thư giai đoạn sau
- Hỗ trợ thu nhập khi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn
- Hưởng lãi đầu tư an toàn, ổn định
- Rút tiền trực tuyến 24/7 từ hợp đồng bảo hiểm

TÓM TẮT QUYỀN LỢI FWD ĐÓN ĐẦU THAY ĐỔI 2.0



Vui lòng tham khảo các trang tiếp theo của tài liệu này để có thông tin chi tiết về các quyền lợi nêu trên.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN CÔNG TY TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam

Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính. Giấy phép thành lập và hoạt động số 47GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/11/2007, giấy phép thay đổi tên công ty số 47/GPĐC9/KDBH cấp ngày 01/09/2016 và các giấy phép điều chỉnh khác. Vốn điều lệ: 3.675 tỉ đồng (03/2019). Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam; Điện thoại : (+84) 28 6256 3688.

THÔNG TIN TƯ VẤN BẢO HIỂM

Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỢNG

Mã số: 70010416

Số điện thoại: 8888888888

Văn phòng: Agen1

THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM

Họ và tên: NAM 30 TUỔI

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH

Họ và tên: NAM 30 TUỔI

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

2. THÔNG TIN SẢN PHẨM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Thời hạn đóng phí (dự kiến)	Thời hạn bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
SẢN PHẨM CHÍNH								
FWD ĐÓN ĐẦU THAY ĐỔI 2.0	NAM 30 TUỔI	30	Nam	1	20 năm	50 năm	1.000.000.000	13.380.000
SẢN PHẨM BỔ TRỢ								
FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo	NAM 30 TUỔI	30	Nam	1	40 năm	40 năm	300.000.000	1.050.000
FWD CARE Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo	NAM 30 TUỔI	30	Nam	1	40 năm	40 năm	-	593.000

Phí bảo hiểm	Năm	Nửa năm	Quý
- Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	13.380.000	6.690.000	-
- Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ (i)	1.643.000	864.000	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ	15.023.000	7.554.000	-
Khoản đầu tư thêm dự kiến (ii) :	-		

Ghi chú:

(i) Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ trợ cần được đóng đầy đủ khi đến hạn. Nếu phí bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ không được đóng khi đến hạn, tùy vào từng trường hợp cụ thể, Tài khoản đầu tư thêm hoặc Tài khoản bảo hiểm sẽ được dùng để đóng phí bảo hiểm đến hạn cho các sản phẩm bổ trợ.

(ii) Đây là Khoản đầu tư thêm minh họa số tiền Quý khách dự kiến đóng thêm trong năm đầu. Khoản đầu tư thêm các năm sau, nếu có, được thể hiện trong minh họa quyền lợi đầu tư của sản phẩm chính.

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO VỆ (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
NAM 30 TUỔI		
FWD ĐÓN ĐẦU THAY ĐỔI 2.0	Ung thư giai đoạn sau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	133.800.000
	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Tổng của (i) Giá trị nào lớn hơn giữa 1.000.000.000 và Tài khoản bảo hiểm, và (ii) Tài khoản đầu tư thêm, và (iii) 500.000.000
	Tử vong	Tổng của (i) Giá trị nào lớn hơn giữa 1.000.000.000 và Tài khoản bảo hiểm, và (ii) Tài khoản đầu tư thêm.

Ghi chú:

(iii) Hợp đồng vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực sau khi FWD chi trả quyền lợi Ung thư giai đoạn sau. Trong trường hợp NĐBH có nhiều hợp đồng của sản phẩm FWD Đón đầu thay đổi 2.0 đang có hiệu lực, tổng số tiền tối đa chi trả cho quyền lợi Ung thư giai đoạn sau cho 1 NĐBH tính trên tất cả các hợp đồng là 2 tỷ đồng.

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ	Khoản đầu tư thêm	GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở MỨC LÃI SUẤT 6,5%/năm (iv)						Rút tiền
				Các loại phí khấu trừ	Các khoản thưởng	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)
1/31	13.380	2.676	-	1.773	-	1.015	-	1.015	-	-
2/32	13.380	8.028	-	1.765	-	7.805	-	7.805	-	-
3/33	13.380	9.366	-	1.795	-	16.429	-	16.429	3.049	-
4/34	13.380	13.380	-	1.878	-	29.803	-	29.803	17.761	-
5/35	13.380	13.380	-	1.979	3.151	47.093	-	47.093	36.389	-
6/36	13.380	13.380	-	2.128	-	62.202	-	62.202	52.836	-
7/37	13.380	13.380	-	2.331	-	78.083	-	78.083	70.055	-
8/38	13.380	13.380	-	2.566	-	94.752	-	94.752	89.400	-
9/39	13.380	13.380	-	2.830	-	112.232	-	112.232	109.556	-
10/40	13.380	13.380	-	3.120	14.765	145.312	-	145.312	145.312	-
11/41	13.380	13.380	-	3.319	-	165.573	-	165.573	165.573	-
12/42	13.380	13.380	-	3.584	-	186.876	-	186.876	186.876	-
13/43	13.380	13.380	-	3.860	-	209.278	-	209.278	209.278	-
14/44	13.380	13.380	-	4.127	-	232.860	-	232.860	232.860	-
15/45	13.380	13.380	-	4.369	32.385	290.109	-	290.109	290.109	-
16/46	13.380	13.380	-	4.445	-	318.615	-	318.615	318.615	-
17/47	13.380	13.380	-	4.631	-	348.781	-	348.781	348.781	-
18/48	13.380	13.380	-	4.780	-	380.755	-	380.755	380.755	-
19/49	13.380	13.380	-	4.900	-	414.682	-	414.682	414.682	-
20/50	13.380	13.380	-	4.987	58.729	509.454	-	509.454	509.454	-
25/55	-	-	-	4.571	-	670.483	-	670.483	670.483	-
30/60	-	-	-	3.431	-	893.736	-	893.736	893.736	-
35/65	-	-	-	2.170	-	1.210.953	-	1.210.953	1.210.953	-
40/70	-	-	-	2.923	-	1.643.804	-	1.643.804	1.643.804	-

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ	Khoản đầu tư thêm	GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở MỨC LÃI SUẤT 6,5%/năm (iv)						Rút tiền
				Các loại phí khấu trừ	Các khoản thưởng	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)
45/75	-	-	-	4.033	-	2.231.474	-	2.231.474	2.231.474	-
50/80	-	-	-	5.500	-	3.028.536	-	3.028.536	3.028.536	-
Tổng	267.600	247.530	-	176.135	109.030	3.028.536	-	3.028.536	3.028.536	-

Tại Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng, Công ty sẽ chi trả quyền lợi:

- Mừng tuổi 80^(v) = 200.000.000 đồng; và
- Giá trị Tài khoản hợp đồng = 3.028.536.000 đồng

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ	Khoản đầu tư thêm	GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở MỨC LÃI SUẤT ĐẢM BẢO						Rút tiền
				Các loại phí khấu trừ	Các khoản thưởng	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)
1/31	13.380	2.676	-	1.773	-	972	-	972	-	-
2/32	13.380	8.028	-	1.765	-	7.557	-	7.557	-	-
3/33	13.380	9.366	-	1.795	-	15.686	-	15.686	2.306	-
4/34	13.380	13.380	-	1.880	-	28.168	-	28.168	16.126	-
5/35	13.380	13.380	-	1.982	1.674	42.657	-	42.657	31.953	-
6/36	13.380	13.380	-	2.136	-	55.547	-	55.547	46.181	-
7/37	13.380	13.380	-	2.345	-	68.613	-	68.613	60.585	-
8/38	13.380	13.380	-	2.589	-	81.419	-	81.419	76.067	-
9/39	13.380	13.380	-	2.865	-	94.265	-	94.265	91.589	-
10/40	13.380	13.380	-	3.174	5.071	111.661	-	111.661	111.661	-
11/41	13.380	13.380	-	3.428	-	124.077	-	124.077	124.077	-
12/42	13.380	13.380	-	3.734	-	136.431	-	136.431	136.431	-
13/43	13.380	13.380	-	4.064	-	148.699	-	148.699	148.699	-
14/44	13.380	13.380	-	4.399	-	160.874	-	160.874	160.874	-
15/45	13.380	13.380	-	4.725	7.377	180.340	-	180.340	180.340	-
16/46	13.380	13.380	-	5.040	-	191.545	-	191.545	191.545	-
17/47	13.380	13.380	-	5.381	-	202.574	-	202.574	202.574	-
18/48	13.380	13.380	-	5.714	-	213.433	-	213.433	213.433	-
19/49	13.380	13.380	-	6.054	-	224.112	-	224.112	224.112	-
20/50	13.380	13.380	-	6.402	7.976	242.577	-	242.577	242.577	-
25/55	-	-	-	8.663	-	221.382	-	221.382	221.382	-
30/60	-	-	-	13.346	-	178.489	-	178.489	178.489	-
35/65	-	-	-	20.376	-	102.549	-	102.549	102.549	-
40/70	-	-	-	5.305	-	-	-	(**)	-	-
TỔNG	267.600	247.530	-	362.173	22.097	-	-	(**)	-	-

Ghi chú:

- Các giá trị minh họa trên đây chỉ đúng trong trường hợp Phí bảo hiểm cơ bản và (các) Khoản đầu tư thêm, nếu có, được đóng đầy đủ như minh họa và không có giao dịch phát sinh nào làm ảnh hưởng đến giá trị Tài khoản hợp đồng.
- Các giá trị được nêu trong bảng minh họa này được tính toán theo định kỳ đóng phí là hàng năm và Người được bảo hiểm (NĐBH) có sức khỏe chuẩn theo quy định của FWD.
- (iv) Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung được công bố có thể cao hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nhưng sẽ không thấp hơn mức lãi suất đầu tư đảm bảo (đã khấu trừ Phí quản lý quỹ) quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1-2	3-5	6-7	8-9	10-15	16+
Lãi suất đầu tư đảm bảo	4,0%	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,5%

Lãi suất minh họa trên đây đã khấu trừ Phí quản lý quỹ để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm.

Tài khoản hợp đồng được hưởng lãi hàng ngày và được tự động cộng vào tài khoản hàng tháng. Tham khảo mức lãi suất đầu tư thực tế được FWD cập nhật trên trang thông tin điện tử của FWD <https://www.fwd.com.vn/vi/dau-tu/lai-suot-dau-tu-cua-quy-lien-ket-chung/>.

- Cột (1): Phí bảo hiểm cơ bản là khoản phí bảo hiểm của sản phẩm chính được xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, tuổi và giới tính của NĐBH tại thời điểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
Phí bảo hiểm cơ bản cần được đóng đầy đủ trong 3 năm hợp đồng đầu tiên. Kể từ năm hợp đồng thứ 4, Quý khách có thể đóng phí linh hoạt theo khả năng tài chính, tuy nhiên Quý khách nên tiếp tục đóng phí đều đặn như dự kiến để đảm bảo thực hiện kế hoạch tài chính.
- Cột (2): Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm sau khi khấu trừ Phí ban đầu. Phí ban đầu được tính dựa trên % Phí bảo hiểm cơ bản theo bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4+
Phí ban đầu tối đa = % Phí bảo hiểm cơ bản	80%	40%	30%	0%

- Cột (3): Khoản đầu tư thêm là khoản tiền BMBH đóng thêm vào hợp đồng sau khi đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ, nếu có. Mức tối đa của Khoản đầu tư thêm trong mỗi năm hợp đồng hiện tại Công ty quy định là 2 lần Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của năm hợp đồng đầu tiên.
- Cột (4): Các loại phí khấu trừ bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
 - Phí bảo hiểm rủi ro là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng để chi trả quyền lợi bảo vệ theo cam kết trong hợp đồng.

- Phí quản lý hợp đồng là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng để chi trả cho việc quản lý, duy trì và cung cấp các dịch vụ liên quan đến hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là 33.000 đồng/tháng và mỗi năm tăng 3.000 đồng/tháng cho tới khi đạt mức tối đa là 60.000 đồng/tháng.

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Phí quản lý hợp đồng/tháng	33.000	36.000	39.000	42.000	45.000	48.000	51.000	54.000	57.000	60.000

- Cột (5): Thưởng duy trì hợp đồng: 50% tổng các khoản lãi đầu tư phát sinh từ Tài khoản bảo hiểm trong mỗi giai đoạn 5 năm hợp đồng liên tiếp trong 20 năm hợp đồng đầu tiên. Thưởng duy trì hợp đồng được cộng vào Tài khoản bảo hiểm tại cuối năm hợp đồng 5, 10, 15 và 20.
 - Điều kiện nhận Thưởng duy trì hợp đồng cho mỗi giai đoạn xét thưởng: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi năm hợp đồng được đóng đầy đủ trong năm hợp đồng; (ii) Hợp đồng có hiệu lực trong suốt giai đoạn xét thưởng và tại thời điểm trả thưởng; (iii) Quý khách không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.
- Cột (6): Tài khoản bảo hiểm là số tiền được tích lũy từ Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng. Giá trị thể hiện ở Tài khoản Bảo hiểm đã bao gồm lãi hàng tháng và đã khấu trừ các khoản rút tiền trong năm (bao gồm phí rút tiền), nếu có.
- Cột (7): Tài khoản đầu tư thêm là số tiền được tích lũy từ Khoản đầu tư thêm. Giá trị thể hiện ở Tài khoản đầu tư thêm đã bao gồm lãi hàng tháng và đã khấu trừ các khoản rút tiền trong năm, nếu có.
- Cột (8): Tài khoản hợp đồng là tổng của Tài khoản bảo hiểm và Tài khoản đầu tư thêm.
- Cột (9): Giá trị hoàn lại bằng Tài khoản bảo hiểm tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, cộng với Tài khoản đầu tư thêm và trừ đi các khoản nợ, nếu có. Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được tính theo % Phí bảo hiểm cơ bản 1 năm theo bảng sau:

Năm hợp đồng	1-3	4	5	6	7	8	9	10+
% Phí bảo hiểm cơ bản một năm	100%	90%	80%	70%	60%	40%	20%	0%

- Cột (10): BMBH có thể yêu cầu rút một phần tiền từ Tài khoản hợp đồng bất kỳ lúc nào sau thời gian cân nhắc. Các khoản rút tiền sẽ thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản đầu tư thêm sau đó đến Tài khoản bảo hiểm. Việc rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm có thể làm giảm Số tiền bảo hiểm. BMBH được miễn phí rút tiền từ Tài khoản đầu tư thêm. Giá trị thể hiện chưa bao gồm phí rút tiền, nếu có. Trường hợp rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm, BMBH sẽ chịu Phí rút tiền được tính trên % số tiền rút theo bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% Số tiền rút từ Tài khoản bảo hiểm	5%	4%	3%	2%	1%	0%

(v) Quyền lợi Mừng tuổi 80 bằng 20% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm chi trả quyền lợi nhưng không vượt quá 500 triệu đồng.

(**) Nếu Tài khoản hợp đồng không đủ để chi trả Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, Hợp đồng sẽ mất hiệu lực ngoại trừ các điều kiện khác đã được quy định trong Quy tắc, điều khoản hợp đồng. BMBH có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng trong vòng 2 năm kể từ ngày Hợp đồng mất hiệu lực.

5. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO VỆ CỦA SẢN PHẨM BỔ TRỢ

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm	
NAM 30 TUỔI			
FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Tối đa 150.000.000/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Chi trả quyền lợi cho tối đa 2 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu
	Bệnh hiểm nghèo	Tối đa 300.000.000	
	Bệnh Ung thư giai đoạn sau	60.000.000	
FWD CARE Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo	<p>Công ty sẽ thay Bên mua bảo hiểm đóng toàn bộ phí bảo hiểm định kỳ trong tương lai của hợp đồng mà Sản phẩm bổ trợ này đính kèm, bao gồm phí bảo hiểm của Sản phẩm chính và các sản phẩm bổ trợ khác đính kèm trong hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, nếu có (không bao gồm các Khoản đầu tư thêm của sản phẩm liên kết đầu tư) kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm tiếp theo sau ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm, cho đến ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này.</p>	

Ghi chú – Sản phẩm bổ trợ, nếu có:

FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo: Danh sách Bệnh hiểm nghèo (BHN) được bảo hiểm bởi Sản phẩm bổ trợ này được liệt kê trong danh sách ở phần sau.

- Quyền lợi BHN giai đoạn đầu được chi trả tối đa 2 lần với điều kiện Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc BHN giai đoạn đầu lần thứ 2 khác Loại BHN với BHN giai đoạn đầu đã được Công ty chấp thuận chi trả trước đó;
- Quyền lợi BHN sẽ được chi trả sau khi trừ đi Quyền lợi BHN giai đoạn đầu thuộc cùng Loại BHN đã chi trả trước đó, nếu có;
- Quyền lợi bệnh Ung thư giai đoạn sau sẽ được chi trả khi Quyền lợi BHN bên trên được chi trả cho bệnh Ung thư giai đoạn sau.
- Trong mọi trường hợp, tổng số tiền chi trả cho tất cả các yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho một Người được bảo hiểm trong suốt Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này được quy định như sau:
 - ✓ Tổng quyền lợi BHN giai đoạn đầu và BHN không vượt quá 150% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này; và
 - ✓ Tổng quyền lợi BHN giai đoạn đầu, BHN và Ung thư giai đoạn sau không vượt quá 170% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này.

FWD CARE Bảo hiểm Miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo: Danh sách Bệnh hiểm nghèo (BHN) được bảo hiểm bởi Sản phẩm bổ trợ được liệt kê trong danh sách ở phần sau.

Tổng số tiền chi trả cho Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho tất cả các sản phẩm mà Người được bảo hiểm tham gia với FWD không vượt quá các giới hạn sau:

- Người được bảo hiểm từ 30 ngày tuổi đến dưới 6 tuổi: 2,5 tỷ đồng.
- Người được bảo hiểm từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi: 4 tỷ đồng.
- Người được bảo hiểm từ 18 tuổi trở lên: 20 tỷ đồng.

Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ tham gia để biết thêm chi tiết về quyền lợi.

DANH SÁCH 80 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO)

Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo	Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo
Ung thư/ Rối loạn sản tủy xương hay Xơ hóa tủy xương	1. Bệnh Ung thư giai đoạn đầu 2. Hội chứng loạn sản tủy xương hay Xơ hóa tủy xương	1. Bệnh Ung thư giai đoạn sau	Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/ Suy thận giai đoạn cuối	18. Phẫu thuật cắt thận/cắt bỏ một bên thận	11. Suy thận mãn giai đoạn cuối
Bệnh của động mạch vành/ Điều trị can thiệp mạch vành/ Đặt máy điều trị rối loạn nhịp tim	3. Thủ thuật nong mạch vành hoặc can thiệp mạch vành qua da (PCI) để điều trị bệnh lý hai động mạch vành 4. Đặt máy khử rung tim 5. Đặt máy tạo nhịp tim	2. Nhồi máu cơ tim cấp 3. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 4. Bệnh động mạch vành nặng	Bỏng	19. Bỏng – mức độ vừa và nặng	12. Bỏng nặng
Phẫu thuật động mạch cảnh/ Động mạch não/ Đặt ống thông não bộ/ Đột quỵ	6. Phẫu thuật động mạch cảnh 7. Phẫu thuật dị dạng mạch máu não (AVM) /phình mạch máu não 8. Đặt ống thông não bộ (shunt)	5. Tai biến mạch máu não (Đột quỵ)	Phẫu thuật gan/ Bệnh gan	20. Phẫu thuật gan 21. Xơ gan	13. Suy gan giai đoạn cuối. 14. Viêm gan bạo phát
Phẫu thuật van tim	9. Phẫu thuật van tim qua da	6. Phẫu thuật hở điều trị bệnh lý van tim.	Tăng áp lực động mạch phổi	22. Tăng áp lực động mạch phổi thứ phát	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát
Phình động mạch chủ/ Phẫu thuật động mạch chủ	10. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu động mạch chủ 11. Phình động mạch chủ không triệu chứng	7. Phẫu thuật động mạch chủ hở	Hôn mê	23. Hôn mê sâu – 72 giờ	16. Hôn mê sâu – 96 giờ
Điếc/ Phẫu thuật cấy ghép ốc tai	12. Mất thính lực một phần 13. Phẫu thuật Cấy ghép ốc Tai	8. Mất thính lực hoàn toàn (Điếc hoàn toàn)	Mù hoàn toàn/ Ghép giác mạc	24. Mù 1 mắt hoàn toàn 25. Ghép giác mạc	17. Mù 2 mắt hoàn toàn
Bệnh phổi/ Cắt một bên phổi/ Đặt màng lọc tĩnh mạch chủ/ Mờ khí quản/ Hen ác tính	14. Phẫu thuật cắt một bên phổi 15. Mờ khí quản kéo dài 16. Hen phế quản nặng/Hen phế quản ác tính	9. Bệnh phổi giai đoạn cuối	Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim cơ thắt/ Phi đại cơ tim/ Bệnh lý cơ tim	26. Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim cơ thắt 27. Phẫu thuật điều trị phi đại cơ tim	18. Bệnh lý cơ tim
Ghép ruột non/ Ghép tạng	17. Ghép ruột non	10. Phẫu thuật ghép tạng chủ	Bệnh Parkinson	28. Bệnh Parkinson giai đoạn đầu	19. Bệnh Parkinson giai đoạn muộn

DANH SÁCH 80 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO) (tiếp theo)

Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo	Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo
Liệt/ Cụt chi	29. Liệt/ Cụt 1 chi	20. Liệt/ Cụt 2 chi	Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison		34. Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison
Phẫu thuật U tuyến yên/ U màng não tủy/ Phẫu thuật điều trị động kinh/ U lành ở não	30. Phẫu thuật u tuyến yên 31. Phẫu thuật cắt bỏ khối u màng não tủy 32. Phẫu thuật điều trị động kinh kháng thuốc	21. U não lành tính	Viêm tụy mạn tính tái phát		35. Viêm tụy mạn tính tái phát
Phẫu thuật điều trị gãy xương do loãng xương/ Viêm đa khớp dạng thấp nặng	33. Phẫu thuật điều trị gãy xương do loãng xương	22. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	Xơ cứng rải rác		36. Xơ cứng rải rác
Thiếu máu bất sản		23. Thiếu máu bất sản	Bệnh loạn dưỡng cơ		37. Bệnh loạn dưỡng cơ
Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế		24. Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế	Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng		38. Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng
Bệnh chân voi		25. Bệnh chân voi	Bệnh tế bào thần kinh vận động		39. Bệnh tế bào thần kinh vận động
Nhiễm HIV do truyền máu		26. Nhiễm HIV do truyền máu	Viêm não		40. Viêm não
Cấy ghép tủy xương		27. Cấy ghép tủy xương	Bệnh bại liệt		41. Bệnh bại liệt
Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus		28. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus	Viêm màng não do vi khuẩn		42. Viêm màng não do vi khuẩn
Bệnh nang ở tủy thận		29. Bệnh nang ở tủy thận	Mất khả năng sống tự lập		43. Mất khả năng sống tự lập
Hội chứng Eisenmenger		30. Hội chứng Eisenmenger nghiêm trọng	Hội chứng Apallie		44. Hội chứng Apallie
Bệnh Kawasaki với biến chứng tim		31. Bệnh Kawasaki với biến chứng tim	Phẫu thuật não		45. Phẫu thuật não
Bệnh Still		32. Bệnh Still	Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)		46. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
Xơ cứng bì tiến triển		33. Xơ cứng bì tiến triển	Câm		47. Câm

DANH SÁCH 45 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM MIỄN ĐÓNG PHÍ BỆNH HIỂM NGHÈO và FWD CARE BẢO HIỂM MIỄN ĐÓNG PHÍ NÂNG CAO)

Bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo
1. Bệnh Ung thư giai đoạn sau	16. Hôn mê sâu – 96 giờ	31. Xơ cứng bì tiến triển
2. Nhồi máu cơ tim cấp	17. Mù 2 mắt hoàn toàn	32. Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison
3. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	18. Bệnh lý cơ tim	33. Viêm tụy mạn tính tái phát
4. Bệnh động mạch vành nặng	19. Bệnh Parkinson giai đoạn muộn	34. Xơ cứng rải rác
5. Tai biến mạch máu não (Đột quy)	20. Liệt/ Cụt 2chi	35. Bệnh loạn dưỡng cơ
6. Phẫu thuật hở điều trị bệnh lý van tim.	21. U não lành tính	36. Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng
7. Phẫu thuật động mạch chủ hở	22. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	37. Bệnh tế bào thần kinh vận động
8. Mất thính lực hoàn toàn (Điếc hoàn toàn)	23. Thiếu máu bất sản	38. Viêm não
9. Bệnh phổi giai đoạn cuối	24. Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế	39. Bệnh bại liệt
10. Phẫu thuật ghép tạng chủ	25. Bệnh chân voi	40. Viêm màng não do vi khuẩn
11. Suy thận mãn giai đoạn cuối	26. Nhiễm HIV do truyền máu	41. Mất khả năng sống tự lập
12. Bồng nặng	27. Cấy ghép tủy xương	42. Hội chứng Apallic
13. Suy gan giai đoạn cuối.	28. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus	43. Phẫu thuật não
14. Viêm gan bạo phát	29. Bệnh nang ở tủy thận	44. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát	30. Hội chứng Eisenmenger nghiêm trọng	45. Câm

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã đọc, hiểu và được tư vấn đầy đủ về Quy tắc và Điều khoản và quyền lợi của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ đính kèm minh họa trong tài liệu này.
- Bằng việc ký tên dưới đây, tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm trong minh họa quyền lợi bảo hiểm này.

Chữ ký/Xác nhận Bên mua bảo hiểm

Chữ ký/Xác nhận Tư vấn tài chính

Họ và tên: NAM 30 TUỔI
Ngày : 25/11/2019

Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỢNG
Ngày : 25/11/2019

Minh họa quyền lợi bảo hiểm này có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang và chữ ký của Bên mua bảo hiểm.